

Số : 102 /BC-UBND

Bù Đăng, ngày 8 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO
Tổng quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2019

Tại Kỳ họp HĐND huyện lần thứ Tám, Khóa VI từ ngày 18 đến ngày 19 tháng 7 năm 2019 đã thông qua Nghị quyết HĐND về việc phê duyệt dự toán điều chỉnh ngân sách Nhà nước năm 2019 của huyện.

UBND huyện trình HĐND huyện phê duyệt Báo cáo tổng quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2019 như sau:

A. Về thu ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách Nhà nước (NSNN) trên địa bàn thực hiện cả năm là: 247.069.668.813 đồng, đạt 139% so với dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 114% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 107% so với cùng kỳ năm 2018, bao gồm các khoản thu như sau:

I. Các khoản thu trong cân đối ngân sách Nhà nước

Thực hiện cả năm là: 244.816.602.317 đồng, đạt 139% so với dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 114% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 107% so với cùng kỳ năm 2018. Trong đó, thu ngân sách huyện, xã hưởng là: 192.815.478.465 đồng, đạt 142% so với dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 113% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 109% so với cùng kỳ năm 2018, bao gồm các khoản thu sau:

1. Thu thuế CTN-NQD: Thực hiện 38.536.361.416 đồng, đạt 128% so với dự toán điều chỉnh tình giao và dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 118% so với cùng kỳ năm 2018, chi tiết như sau:

- Thu thuế GTGT : 33.642.085.500 đồng;
- Thu thuế TNDN : 3.382.687.925 đồng;
- Thu thuế Tiêu thụ đặc biệt : 190.031.049 đồng;
- Thu thuế Tài nguyên : 1.321.556.942 đồng.

2. Thu lệ phí trước bạ: Thực hiện 28.758.400.589 đồng, đạt 113% so với dự toán điều chỉnh tình giao và dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 117% so với cùng kỳ năm 2018.

3. Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Thực hiện 27.484.905 đồng, bằng 35% so với cùng kỳ năm 2018.

4. Thu tiền cho thuê đất: Thực hiện 13.549.416.536 đồng, đạt 208% so với dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 110% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 225% so với cùng kỳ năm 2018.

5. Thu tiền sử dụng đất: Thực hiện 128.586.579.052 đồng, đạt 171% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 119% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 105% so với cùng kỳ năm 2018.

6. Thu phí, lệ phí: Thực hiện 4.886.607.893 đồng, đạt 114% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 106% so với cùng kỳ năm 2018.

7. Thu thuế thu nhập cá nhân: Thực hiện 19.796.643.136 đồng, đạt 76% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 78% so với cùng kỳ năm 2018.

8. Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Thực hiện 162.332.424 đồng, đạt 81% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 49% so với cùng kỳ năm 2018.

9. Thu khác ngân sách: Thực hiện 10.512.776.366 đồng, đạt 117% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 112% so với cùng kỳ năm 2018.

(có bảng tổng hợp số liệu thu đính kèm)

II. Các khoản thu được để lại quản lý qua NSNN

Thực hiện 2.253.066.496 đồng, đạt 322% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 127% so với cùng kỳ năm 2018.

B. Về chi ngân sách Nhà nước

Tổng chi NSNN: Thực hiện 823.456.999.489 đồng, đạt 100,25% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 78,98% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 114,37 % so với cùng kỳ năm 2018, bao gồm các khoản chi như sau:

I. Các khoản chi trong cân đối ngân sách

Thực hiện 821.203.932.993 đồng, đạt 100,06% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 78,82% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 114,33% so với cùng kỳ năm 2018, chi tiết như sau:

1. Chi đầu tư phát triển

Thực hiện 102.095.846.589 đồng, đạt 107,01% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 72,36% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 108,51% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó:

- | | |
|--|------------------------|
| - Chi XD CB tập trung từ nguồn vốn phân cấp | : 27.457.006.501 đồng; |
| - Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất | : 73.699.624.704 đồng; |
| - Chi từ nguồn tăng thu 50% đã loại trừ tiền sử dụng đất năm 2018 chuyển sang 2019 | : 801.980.884 đồng; |
| - Chi chuyển nguồn XD CB | : 90.761.000 đồng; |
| - Chi từ nguồn thực hiện dự án Đa Bông Cua | : 46.473.500 đồng. |

Chi đầu tư phát triển không đạt so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua là do: Chi XD CB tập trung từ nguồn vốn phân cấp chưa giải ngân kịp vốn chuẩn bị đầu tư năm 2020 và vốn thanh toán các công trình quyết toán; chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất không đạt do vướng công tác GPMB các công trình: XD khối Trụ sở UBND xã Bom Bo tại điểm quy hoạch mới, Nâng cấp, mở rộng đường đôi Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức Phong; công trình XD hạ tầng khu tái định cư thôn 3 Minh Hưng khối lượng thực hiện không đạt kế hoạch. Mặt khác, do cấp xã giải ngân vốn đầu tư XD CB từ nguồn thu tiền sử dụng đất chỉ đạt 83% còn lại chưa giải ngân được trong năm 2019 do chưa có khối lượng để thanh toán, còn kết dư tại ngân sách cấp xã; chi thực hiện dự án Đa Bông Cua chưa đền bù giải phóng mặt bằng xong.

2. Chi thường xuyên

Thực hiện 698.230.887.712 đồng, đạt 111,39% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 89,23% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 116,84% so với cùng kỳ năm 2018, chi tiết như sau:

2.1. Chi sự nghiệp kinh tế: Thực hiện 140.175.568.959 đồng, đạt 124,79% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 79,70% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 175,10% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó:

- Chi sự nghiệp nông - lâm - thủy lợi: Thực hiện 12.600.260.524 đồng, đạt 100,73% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 111,98% so với cùng kỳ năm 2018;

- Chi sự nghiệp giao thông: Thực hiện 32.809.202.186 đồng, đạt 115,22% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 124,73% so với cùng kỳ năm 2018, tăng chi là do cuối năm huyện giao dự toán bổ sung kinh phí hỗ trợ xây dựng 1.000 km đường giao thông nông thôn cho các xã, thị trấn từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh;

- Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính: Thực hiện 13.537.690.647 đồng, đạt 93,98% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 147,92% so với cùng kỳ năm 2018, chi không đạt là do Công trình: Bảo trì, thay thế bóng đèn hệ thống chiếu sáng chưa thực hiện, ...

- Chi quy hoạch: Thực hiện 3.982.386.187 đồng, đạt 62,22% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 407,57% so với cùng kỳ năm 2018; chi không đạt là do các dự án chưa thực hiện như: Quy hoạch chi tiết Trung tâm hành chính xã Bom Bo; quy hoạch cải tạo xây dựng chợ Bù Đăng; quy hoạch chi tiết mở rộng Chợ Đức Liễu; quy hoạch chi tiết đường Nơ Trang Long đến QL14, thị trấn Đức Phong; điều chỉnh quy hoạch chi tiết TTHC xã Bình Minh; chi phí cắm mốc các quy hoạch đã phê duyệt năm 2018 - 2019; ...

- Chi công tác đo đạc, cắm mốc, kinh phí đền bù, giải phóng mặt bằng, chi phí đấu giá đất công: Thực hiện 9.891.100.520 đồng, đạt 47,23% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 59,74% so với cùng kỳ năm 2018; chi không đạt là do hồ sơ, phương án đền bù chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt

như: Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tổ chức thực hiện GPMB dự án TTHC xã Đak Nhai; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tổ chức thực hiện GPMB dự án Trường TH Đồng Nai xã Đồng Nai; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tổ chức thực hiện GPMB dự án Trường TH Đăng Hà và Trường MG Hoa Cúc xã Đăng Hà; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tổ chức thực hiện GPMB xây mới MG Sao Mai xã Nghĩa Trung; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tổ chức thực hiện GPMB vành đai nhà Văn hóa thiếu nhi; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tổ chức thực hiện GPMB dự án mở rộng Trường THCS Nghĩa Trung xã Nghĩa Trung; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tổ chức thực hiện GPMB dự án mở rộng Trường MG Hoa Sen xã Đoàn Kết; chi phí bồi thường, hỗ trợ dự án xây dựng đường bê tông nhựa (bên cạnh Trụ sở Ban CHQS huyện) từ QL 14 nối đường D1 nối dài;...

- Chi sự nghiệp môi trường: Thực hiện 1.928.200.859 đồng, đạt 90,56% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 130,89% so với cùng kỳ năm 2018; chi không đạt là do huyện điều chỉnh giảm công trình: Nạo vét phát quang, mở rộng lòng suối đoạn từ cầu Bù Na 1 tới chợ Bù Na không thực hiện; Công trình: Thu gom rác trên địa bàn nội ô thị trấn Đức Phong và các xã: Đoàn Kết, Minh Hưng, thực hiện theo Hợp đồng số 12/2019/HĐ-XD ngày 12/6/2019, thời gian thực hiện từ 12/6/2019 - 11/6/2020 (một năm), giá trị hợp đồng là 2.354.455.000 đồng, trong đó vốn NSNN là 1.776.830.377 đồng, giải ngân trong năm 2019 là 1.124.352.104 đồng (trong đó tạm ứng chuyển nguồn năm sau là 178.206.000 đồng), giải ngân thấp do khối lượng thực hiện mới được 7 tháng theo hợp đồng.

- Chi Trung tâm Phát triển Quỹ đất: Thực hiện 644.513.530 đồng, đạt 109,14% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 163,29% so với cùng kỳ năm 2018; chi đạt là do cuối năm huyện có bổ sung kinh phí phục vụ chi hoạt động chuyên môn.

- Chi sự nghiệp kinh tế khác: Thực hiện 64.782.214.506 đồng, đạt 73,49% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 464,65% so với cùng kỳ năm 2018; chi không đạt là do: Công trình xây dựng bờ kè Khu dân cư mặt tiền đường DT 760 (đồi bảo tồn văn hóa Bom Bo), kinh phí tiếp nhận bộ đàn đá, đặt đúc 01 bộ công, 01 bộ chiêng tại Khu bảo tồn văn hóa dân tộc X'tiêng sóc Bom Bo chưa hoàn thiện hồ sơ; các dự án đang thực hiện nhưng khối lượng hoàn thành thấp như: San lấp mặt bằng đồi văn hóa xã Bom Bo (đoạn giáp đường DT 760), Xây dựng mương thoát nước và kè chống sạt lở Khu bảo tồn văn hóa dân tộc X'tiêng sóc Bom Bo, sửa chữa đường vào khu đất quỹ ASXH tỉnh; các công trình chưa khởi công do cuối năm mới điều hòa vốn như: Công trình xây dựng các hạng mục phụ trường MG Thanh Bình xã Đường 10, công trình xây dựng đường bê tông nhựa xã Đồng Nai;...

2.2. Chi sự nghiệp y tế: Thực hiện 73.834.691.339 đồng, đạt 96,85% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 93,04% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 119,32% so với cùng kỳ năm 2018, chi không đạt là do còn tồn kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng được NSNN đóng, hỗ trợ đóng BHYT năm 2019 (BHXH huyện không đề nghị do không có đối tượng).

2.3. Chi sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo và dạy nghề: Thực hiện 303.166.217.725 đồng, đạt 102,45% so với dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 87,64% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 102,70% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục: Thực hiện 297.513.379.981 đồng, đạt 91,93% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 102,85% so với cùng kỳ năm 2018, chi không đạt là do còn một số chế độ chưa thực hiện trong năm 2018 mà chuyển sang năm 2019 như: Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP và kinh phí hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở thôn, xã ĐBK theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ chưa sử dụng hết; các trường được giao cơ chế tự chủ, kinh phí tiết kiệm được các trường không chi tăng thu nhập mà chuyển sang năm sau; nguồn cải cách tiền lương và các chế độ phụ cấp chuyển sang năm sau;...

- Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: Thực hiện 5.652.837.744 đồng, đạt 87,85% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 95,44% so với cùng kỳ năm 2018; chi không đạt là do trong năm 2019 dự kiến mở 02 lớp Trung cấp LLCT-HC hệ tập trung nhưng chỉ mở được 1 lớp (khóa 95) còn lại lớp thứ 2 không mở được do chiêu sinh không đủ số lượng học viên để mở lớp;...

2.4. Chi sự nghiệp Văn hóa - Thông tin và Thể dục - Thể thao: Thực hiện 4.649.600.724 đồng, đạt 96,11% so với dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 86,29% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 146% so với cùng kỳ năm 2018, chi không đạt là do cấp xã chi hoạt động sự nghiệp hạch toán chi vào quản lý nhà nước, phòng Văn hóa và Thông tin vẫn còn kết dư kinh phí hoạt động sự nghiệp do không có nhiệm vụ chi.

2.5. Chi sự nghiệp Phát thanh và Truyền hình: Thực hiện 1.685.817.098 đồng, đạt 91,14% so với dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 89,35% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 97,85% so với cùng kỳ năm 2018, chi không đạt là do cấp xã chi hoạt động sự nghiệp hạch toán chi vào quản lý nhà nước, phòng Văn hóa và Thông tin vẫn còn một số nhiệm vụ chi như: chi nhuận bút, phóng sự chưa chi do không có hồ sơ.

2.6. Chi đảm bảo xã hội: Thực hiện 26.571.070.708 đồng, đạt 118,08% so với dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 94,64% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 126,12% so với cùng kỳ năm 2018; chi không đạt là do chưa chi thực hiện Đề án trợ giúp người dân di cư tự do từ Campuchia về nước; còn kết dư kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội, kinh phí bảo trợ xã hội.

2.7. Chi quản lý hành chính: Thực hiện: 123.588.061.974 đồng, đạt 123,98% so với dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 99,60% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 112,56% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó:

- Chi quản lý nhà nước: Thực hiện 73.200.724.688 đồng, đạt 90,12% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 116,73% so với cùng kỳ năm 2018.

- Chi hoạt động của cơ quan Đảng, tổ chức chính trị, xã hội: Thực hiện 45.170.962.893 đồng, đạt 118,90% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 108,32% so với cùng kỳ năm 2018, tăng chi là do bổ sung kinh phí: trợ cấp thôi việc cho những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thị trấn thôn ấp, khu phố do sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị; kinh phí hoạt động cho Văn phòng Huyện ủy, bổ sung kinh phí hoạt động cho Hội Cựu chiến binh; bên cạnh đó các xã, thị trấn sử dụng kinh phí hoạt động quản lý nhà nước để hỗ trợ hoạt động cho các tổ chức chính trị xã hội như: Hội phụ nữ, hội nông dân, hội Cựu chiến binh,...

- Chi hỗ trợ hội, đoàn thể: Thực hiện 4.344.374.393 đồng, đạt 105,05% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 82,09% so với cùng kỳ năm 2018, tăng chi là do bổ sung kinh phí: tham gia Hội thi văn nghệ "Mãi mãi tuổi xuân" cho Hội Cựu thanh niên xung phong huyện; kinh phí đi dự Hội thảo tại tỉnh Đắk Lắk và đi dự Lễ kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Hội Người mù Việt Nam tại tỉnh Bình Phước cho Hội Người mù huyện; kinh phí đi dự Đại hội giao ban cụm Miền đông Nam bộ tại huyện Côn Đảo cho Hội Chữ thập đỏ huyện; kinh phí tham dự Hội nghị tọa đàm ngày Người khuyết tật thế giới và tri ân Chương trình "Khát vọng sống, chia sẻ nỗi đau" tại tỉnh Bình Phước cho Hội Người khuyết tật-trẻ mồ côi và BNN huyện; bên cạnh đó các xã, thị trấn sử dụng kinh phí chi hoạt động quản lý nhà nước để hỗ trợ hoạt động cho các hội như: Hội Chữ thập đỏ, hội Đông y, hội Người cao tuổi,...

- Chi trang bị phần mềm quản lý: Thực hiện 872.000.000 đồng, đạt 89,99% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 917,89% so với cùng kỳ năm 2018.

2.8. Chi an ninh, quốc phòng địa phương: Thực hiện 23.244.814.985 đồng, đạt 207,45% so với dự toán điều chỉnh tỉnh giao và đạt 126,73% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 101,71% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó:

- Chi hỗ trợ ANTT và ATXH: Thực hiện 8.901.184.282 đồng, đạt 136,69% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 99,15% so với cùng kỳ năm 2018, tăng chi là do huyện giao bổ sung kinh phí bảo vệ Lễ kỷ niệm 45 năm ngày giải phóng Bà Đăng cho Công an huyện; bên cạnh đó các xã, thị trấn sử dụng kinh phí chi hoạt động quản lý nhà nước để hỗ trợ hoạt động cho công an,...

- Chi quốc phòng địa phương: Thực hiện 14.343.630.703 đồng, đạt 121,25% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 103,36% so với cùng kỳ năm 2018, tăng chi là do bổ sung kinh phí huấn luyện Đại đội dân quân cơ động, kinh phí vật chất đảm bảo mô hình bay, trang bị công cụ hỗ trợ cho lực lượng dân quân cơ động, hỗ trợ kinh phí cho Ban chỉ đạo diễn tập chiến đấu phòng thủ, phòng không nhân dân cấp xã, hỗ trợ kinh phí Hội đồng nghĩa vụ quân sự huyện, kinh phí phục vụ Đoàn công tác tham gia hành trình "Quân đội chung

tay vì người nghèo cho Ban CHQS huyện; bổ sung kinh phí tham gia Hội thao TDTT quốc phòng cho 16 xã, thị trấn; bổ sung kinh phí diễn tập chiến đấu phòng thủ xã Đường 10, Phú Sơn; diễn tập phòng chống biểu tình, gây rối bạo loạn (A2) xã Minh Hưng, thị trấn Đức Phong; diễn tập phòng không nhân dân xã Nghĩa Bình;...

bên cạnh đó các xã, thị trấn sử dụng kinh phí chi hoạt động quản lý nhà nước để hỗ trợ hoạt động cho các hội như: Hội Chữ thập đỏ, hội Đông y, hội Người cao tuổi,...

2.9. Chi khác ngân sách: Thực hiện 592.634.200 đồng, đạt 26,36% so với dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 21,46% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 34,72% so với cùng kỳ năm 2018, Chi chưa đạt là do: Một số xã sử dụng nguồn chi này để chi hỗ trợ hoạt động cho an ninh, quốc phòng.

2.10. Chi đền bù dự án ASXH thuộc Ban Quản lý rừng phòng hộ Bù Đăng: Thực hiện 722.410.000 đồng, đạt 89,47% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua.

3. Chi chuyển nguồn sang năm sau (2020): 1.424.647.551 đồng.

4. Chi chương trình mục tiêu quốc gia

Thực hiện 19.452.551.141 đồng, đạt 83,88% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 75,84% so với cùng kỳ năm 2018, chi không đạt là do: Kinh phí thực hiện Chương trình định canh, định cư chưa thực hiện; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Chương trình giảm 158 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện chủ yếu kết dư ở cấp xã do chưa làm thủ tục giải ngân kịp thời.

II. Các khoản chi bằng nguồn thu để lại quản lý qua NSNN

Thực hiện 2.253.066.496 đồng, đạt 321,86% so với dự toán điều chỉnh tình giao và dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 127,43% so với cùng kỳ năm 2018, tăng chi là do các xã, thị trấn ghi thu các khoản thu huy động, đóng góp của nhân dân kịp thời vào ngân sách theo quy định.

(có bảng tổng hợp số liệu chi tiết đính kèm)

C. Phân cân đối ngân sách Nhà nước

1. Tổng thu ngân sách Nhà nước	: 1.097.622.017.772 đồng.
<i>Trong đó:</i>	
- Thu ngân sách huyện, xã hưởng	: 192.815.478.465 đồng;
- Thu trợ cấp cân đối từ ngân sách tỉnh	: 467.104.000.000 đồng;
- Thu trợ cấp mục tiêu từ ngân sách tỉnh	: 258.556.000.000 đồng;
- Các khoản thu được quản lý qua NSNN	: 2.253.066.496 đồng;
- Thu kết dư	: 175.989.138.860 đồng;
- Thu chuyển nguồn	: 904.333.951 đồng.

2. Tổng chi ngân sách Nhà nước	: 823.456.999.489 đồng.
Trong đó: - Chi ngân sách huyện	: 650.214.154.667 đồng;
- Chi ngân sách xã	: 173.242.844.822 đồng.
3. Kết dư ngân sách Nhà nước	: 274.165.018.283 đồng.
Trong đó: - Kết ngân sách huyện	: 236.009.394.565 đồng;
- Kết dư ngân sách xã	: 38.155.623.718 đồng.

D. Đánh giá kết quả thực hiện ngân sách Nhà nước năm 2019

1. Về thu ngân sách Nhà nước

Về tổng thể: Thực hiện thu NSNN năm 2019 đạt và vượt so với dự toán điều chỉnh tình giao và dự toán điều chỉnh HĐND huyện đã thông qua. Tổng thu NSNN cả năm đạt 139% so với dự toán điều chỉnh tình giao và đạt 114% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 107% so với cùng kỳ năm 2018.

Về chi tiết: Đa số các khoản thu đều đạt và vượt so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua như: Thuế CTN-NQD đạt 128%, thu đạt cao là do tích cực đơn đốc thu phát sinh, xử lý nợ đọng thuế và đặc biệt đã phối hợp với Cục Thuế Bình Phước, Cục Thuế Quảng Bình đơn đốc thu thuế GTGT vãng lai của Công ty CP Tổng công ty Tân Hoàn Cầu là 11.281.867.302 đồng kịp thời vào NSNN; thu lệ phí trước bạ đạt 113%, thu đạt là do chuyển mục đích sử dụng đất và hợp thức hóa đất của người dân tăng; mặt khác lệ phí trước bạ xe ô tô của Công ty Trường Hải bán ra đã kê khai nộp tại hộ khẩu thường trú của người mua nên cũng góp phần tăng thu cho ngân sách địa phương (*trước đây nộp tại Chi cục Thuế Đồng Xoài*)...; thu tiền sử dụng đất đạt 119%, thu đạt là do triển khai thực hiện bán đấu giá các dự án đất đảm bảo kế hoạch đề ra; thu tiền cho thuê đất đạt 110% , thu đạt chủ yếu là do xử lý nợ đọng tiền thuê đất của Công ty TNHH MTV cao su Phú Riêng 5.700 triệu đồng và thu tiền thuê đất 1 lần của 08 doanh nghiệp 1.666 triệu đồng; thu phí, lệ phí chỉ đạt 114% thu đạt là do nhu cầu của người dân về mua sắm tài sản và chuyển quyền sử dụng đất tăng; thu khác ngân sách đạt 117%, thu đạt là do chủ yếu là thu giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ các xã, thu tiền phạt và thu tịch thu, thu khác phát sinh không nhiều; các khoản thu được quản lý qua NSNN đạt 322%, thu đạt là do các xã, thị trấn ghi thu các khoản thu huy động, đóng góp của nhân dân kịp thời vào ngân sách theo quy định.

Bên cạnh những khoản thu đạt và vượt so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua vẫn còn một số khoản thu chưa đạt như: Thuế thu nhập cá nhân chỉ đạt 76%, thu đạt thấp là do việc mua, bán, chuyển nhượng bất động sản đóng băng đã làm ảnh hưởng giảm thu NSNN trên địa bàn; thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản chỉ đạt 81%, đạt thấp là do nguồn thu này trong năm phát sinh không nhiều, các doanh nghiệp trong năm không có chỉ tiêu khai thác.

Phần thu trong cân đối ngân sách huyện, xã hưởng thực hiện 192.815 triệu đồng đạt 142% so với dự toán điều chỉnh tình giao, đạt 113% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua và bằng 109% so với cùng kỳ năm 2018. Như vậy, tăng thu so với dự toán điều chỉnh tình giao là 57.220 triệu đồng và so với dự toán

điều chỉnh HĐND huyện thông qua là 22.190 triệu đồng. Nếu loại trừ thu tiền sử dụng đất, thu hồi các khoản chi năm trước, các khoản thu được quản lý qua NSNN thì thu ngân sách huyện, xã hưởng thực hiện cả năm là 78.568 triệu đồng, tăng thu ngân sách so với dự toán điều chỉnh tinh giao là 13.893 triệu đồng và so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua là 11.863 triệu đồng.

2. Về chi ngân sách Nhà nước

Tổng chi NSNN thực hiện cả năm đạt 100,25% so với dự toán điều chỉnh tinh giao và đạt 78,98% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, bằng 114,37% so với cùng kỳ năm 2018.

Chi đầu tư phát triển chỉ đạt 72,36% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, chi đầu tư phát triển không đạt là do: Chi XDCB tập trung từ nguồn vốn phân cấp chưa giải ngân kịp vốn chuẩn bị đầu tư năm 2020 và vốn thanh toán các công trình quyết toán; chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất không đạt do vướng công tác GPMB các công trình: XD khối Trụ sở UBND xã Bom Bo tại điểm quy hoạch mới, Nâng cấp, mở rộng đường đôi Lý Thường Kiệt, thị trấn Đức phong; công trình XD hạ tầng khu tái định cư thôn 3 Minh Hưng khối lượng thực hiện không đạt kế hoạch. Mặt khác, do cấp xã giải ngân vốn đầu tư XDCB từ nguồn thu tiền sử dụng đất chỉ đạt 83% còn lại chưa giải ngân được trong năm 2019 do chưa có khối lượng để thanh toán, còn kết dư tại ngân sách cấp xã; chi thực hiện dự án Đa Bông Cua chưa đền bù giải phóng mặt bằng xong.

Chi thường xuyên đạt 89,23% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, chi không đạt là do một số nội dung chi chưa thực hiện trong năm 2019 mà chuyển sang năm 2020 thực hiện như: Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo theo Nghị định số 06/2018/NĐ-CP và kinh phí hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở thôn, xã ĐBK theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính phủ chưa sử dụng hết; các trường được giao cơ chế tự chủ, kinh phí tiết kiệm được các trường không chi tăng thu nhập mà chuyển sang năm sau; nguồn cải cách tiền lương và các chế độ phụ cấp chuyển sang năm sau,...

Chi Chương trình MTQG đạt 83,88% so với dự toán điều chỉnh HĐND huyện thông qua, chi không đạt là do: Kinh phí thực hiện Chương trình định canh, định cư chưa thực hiện; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, Chương trình giảm 158 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện chủ yếu kết dư ở cấp xã do chưa làm thủ tục giải ngân kịp thời.

Nhìn chung việc điều hành NSNN năm 2019, thuận lợi hơn so với các năm trước do thu ngân sách đạt nên các khoản chi thường xuyên như: Chi lương, chi chính sách an sinh xã hội và các chế độ chính sách theo quy định được đảm bảo. Các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn thực hiện chi theo đúng Luật Ngân sách Nhà nước và đúng dự toán được giao; các khoản chi được thực hiện đúng chế độ, định mức, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và đảm bảo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Đặc biệt thực hiện đúng theo tinh thần của Chương trình hành động số 27/CTr-UBND ngày 31/01/2019 của UBND tỉnh Bình Phước về

việc thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019.

Ngoài ra huyện còn hỗ trợ kinh phí hoạt động và tiền tết cho các đơn vị ngành dọc đóng trên địa bàn huyện, để thực hiện nhiệm vụ chuyên môn ngành tại địa phương và giãn một số khoản chi chưa thật sự cần thiết và cấp bách.

Trên đây là Báo cáo tổng quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2019 của huyện Bù Đăng, UBND huyện trình HĐND huyện xem xét và quyết định./. *Handwritten mark*

Nơi nhận: *Handwritten mark*

- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- HĐND các xã - thị trấn;
- Lưu (VT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
CHỦ TỊCH



Handwritten signature
Nguyễn Thanh Bình

BẢNG TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN THU NSNN NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Báo cáo số : 102 /BC-UBND ngày 8 / 6 /2020 của UBND huyện)

Số TT	Nội dung	Thực hiện năm 2018 (triệu đồng)	Dự toán điều chỉnh tình giao năm 2019 (triệu đồng)	Dự toán điều chỉnh HĐND huyện giao năm 2019 (triệu đồng)	Quyết toán năm 2019 (đồng)	So sánh tỷ lệ %		
						6/4	6/5	6/3
I	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Thu NSNN trên địa bàn	230.035	177.200	216.000	247.069.668.813	139	114	107
A	Các khoản thu trong cân đối NS	228.268	176.500	215.300	244.816.602.317	139	114	107
	Trong đó : Ngân sách huyện, xã hương	177.285	135.595	170.625	192.815.478.465	142	113	109
1	Thu thuế doanh nghiệp địa phương	1.166	-	-	-			
-	Thuế GTGT	627						
-	Thuế TNDN	537						
-	Thuế Tiêu thụ đặc biệt							
-	Thuế tài nguyên							
-	Thu khác	2						
2	Thu thuế CTN-NQD	32.668	30.000	30.000	38.536.361.416	128	128	118
-	Thuế GTGT	25.725	25.000	25.000	33.642.085.500	135	135	131
-	Thuế TNDN	3.086	3.300	3.300	3.382.687.925	103	103	110
-	Thuế Tiêu thụ đặc biệt	170	200	200	190.031.049	95	95	112
-	Thuế tài nguyên	2.798	1.500	1.500	1.321.556.942	88	88	47
-	Thu khác	889						
3	Thu lệ phí trước bạ	24.499	25.500	25.500	28.758.400.589	113	113	117
4	Thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	77			27.484.905			35
5	Thu tiền cho thuê đất (35%)	5.303	6.500	12.300	13.549.416.536	208	110	255
6	Thu tiền sử dụng đất	122.950	75.000	108.000	128.586.579.052	171	119	105
7	Thu phí và lệ phí	4.614	4.300	4.300	4.886.607.893	114	114	106
8	Thu thuế thu nhập cá nhân	25.264	26.000	26.000	19.796.643.136	76	76	78
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	329	200	200	162.332.424	81	81	49



Số TT	Nội dung	Thực hiện năm 2018 (triệu đồng)	Dự toán điều chỉnh tình giao năm 2019 (triệu đồng)	Dự toán điều chỉnh HĐND huyện giao năm 2019 (triệu đồng)	Quyết toán năm 2019 (đồng)	So sánh tỷ lệ %		
						6/4	6/5	6/3
1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	Thu khác (tr.đó: Phạt ATGT: 6.200 tr.đồng tình hưởng, thu giá dịch vụ sử dụng điện tích bán hàng tại chợ Bù Đăng: 407 triệu đồng và chợ các xã: 793 triệu đồng)	9.348	9.000	9.000	10.512.776.366	117	117	112
11	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	2.050						
B	Các khoản thu được để lại chi và quản lý qua NSNN	1.767	700	700	2.253.066.496	322	322	128
II	Tổng thu Ngân sách địa phương	896.004	821.398	1.042.612	1.097.622.017.772	134	105	123
A	Các khoản thu cân đối NSDP	894.236	820.698	1.041.912	1.095.368.951.276	133	105	122
1	Thu NSDP được hưởng	177.285	135.595	170.625	192.815.478.465	142	113	109
-	Các khoản thu hưởng 100%	16.088	13.300	13.300	15.399.384.259	116	116	96
-	Thu phân chia theo tỷ lệ (%)	161.197	122.295	157.325	177.416.094.206	145	113	110
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	622.795	608.103	617.393	725.660.000.000	119	118	117
-	Bổ sung cân đối	481.104	467.104	467.104	467.104.000.000	100	100	97
-	Trong đó: Vốn XDCCB trong cân đối							
-	Bổ sung CTMT khác ngoài dự toán	141.691	140.999	150.289	258.556.000.000	183	172	182
3	Nguồn CCTL từ nguồn bổ sung từ NSTW		77.000	77.000				
4	Thu kết dư	94.122		175.989	175.989.138.860			
5	Thu chuyển nguồn	34		905	904.333.951			
B	Các khoản thu được để lại chi và quản lý qua NSNN	1.768	700	700	2.253.066.496	322	322	127
-	Thu các khoản huy động, đóng góp	469	700	700	2.090.942.496	299	299	446
-	Thu khác	1.299			162.124.000			12

ƯƯƯ

BẢNG TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI NSNN NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Báo cáo số : 102 /BC-UBND ngày 8 / 6 /2020 của UBND huyện)

Số TT	Nội dung	Thực hiện năm 2018 (triệu đồng)	Dự toán điều chỉnh tính giao năm 2019 (triệu đồng)	Dự toán điều chỉnh HĐND huyện giao năm 2019 (triệu đồng)	Quyết toán năm 2019 (đồng)	So sánh tỷ lệ %		
						6/4	6/5	6/3
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng chi NSDP	720.014	821.398	1.042.612	823.456.999.489	100,25	78,98	114,37
A	Chi cân đối NSDP	718.246	820.698	1.041.912	821.203.932.993	100,06	78,82	114,33
I	Chi đầu tư phát triển	94.090	95.410	141.087	102.095.846.589	107,01	72,36	108,51
1	Chi XDCB tập trung	92.337	95.410	138.466	102.049.373.089	106,96	73,70	110,52
-	Vốn phân cấp đầu năm	19.627	24.490	29.149	27.457.006.501	112,12	94,20	139,89
-	Từ nguồn thu tiền sử dụng đất	72.710	70.920	107.370	73.699.624.704	103,92	68,64	101,36
-	Chi chuyển nguồn XDCB			101	90.761.000			
-	Chi từ nguồn tăng thu đã loại trừ tiền SDD năm 2018 (50%) sang năm 2019			1.846	801.980.884			
2	Chi từ nguồn vốn TTCX	1.740						
3	Chi thực hiện dự án Đa Bông Cua	13		677	46.473.500			
4	Chi XDCB thuộc chính sách Tây Nguyên theo Công văn 558 của Chính phủ			1.944				

Số TT	Nội dung	Thực hiện năm 2018 (triệu đồng)	Dự toán điều chỉnh tính giao năm 2019 (triệu đồng)	Dự toán điều chỉnh HĐND huyện giao năm 2019 (triệu đồng)	Quyết toán năm 2019 (đồng)	So sánh tỷ lệ %		
						6/4	6/5	6/3
I	2	3	4	5	6	7	8	9
II	Chi thường xuyên	597.601	626.807	782.496	698.230.887.712	111,39	89,23	116,84
1	Chi sự nghiệp kinh tế	80.053	112.325	175.873	140.175.568.959	124,79	79,70	175,10
	<i>Trong đó :</i>							
-	Chi sự nghiệp nông - lâm - thủy lợi	11.252		12.509	12.600.260.524		100,73	111,98
-	Chi sự nghiệp giao thông	26.305		28.476	32.809.202.186		115,22	124,73
-	Chi sự nghiệp kiến thiết thị chính	9.151		14.404	13.537.690.647		93,99	147,94
-	Chi quy hoạch	977		6.400	3.982.386.187		62,22	407,57
-	Chi công tác đo đạc, cắm mốc, kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí đầu giá đất công	16.558		20.940	9.891.100.520		47,23	59,74
-	Chi sự nghiệp môi trường	1.473		2.129	1.928.200.859		90,56	130,89
-	Chi Trung tâm Phát triển quỹ đất	395		591	644.513.530		109,14	163,29
-	Chi sự nghiệp kinh tế khác	13.942		88.151	64.782.214.506		73,49	464,65
-	Nguồn TK 10% CCTL sự nghiệp kinh tế			2.273				
2	Chi sự nghiệp y tế	61.881	76.237	79.356	73.834.691.339	96,85	93,04	119,32

Handwritten signature

Số TT	Nội dung	Thực hiện năm 2018 (triệu đồng)	Dự toán điều chỉnh tình giao năm 2019 (triệu đồng)	Dự toán điều chỉnh HĐND huyện giao năm 2019 (triệu đồng)	Quyết toán năm 2019 (đồng)	So sánh tỷ lệ %		
						6/4	6/5	6/3
1	2	3	4	5	6	7	8	9
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và DN	295.203	295.914	345.915	303.166.217.725	102,45	87,64	102,70
	<i>Trong đó :</i>							
-	<i>Sự nghiệp giáo dục</i>	289.280		323.640	297.513.379.981		91,93	102,85
-	<i>Sự nghiệp đào tạo và dạy nghề</i>	5.923		6.435	5.652.837.744		87,85	95,44
-	<i>Chi CCTL sự nghiệp GD-ĐT và dạy nghề</i>			15.840				
4	Chi sự nghiệp VH-TT-TDTT	3.185	4.838	5.389	4.649.600.724	96,11	86,29	146,00
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	1.723	1.850	1.887	1.685.817.098	91,14	89,35	97,85
6	Chi đảm bảo xã hội	21.068	22.502	28.077	26.571.070.708	118,08	94,64	126,12
7	Chi quản lý hành chính	109.797	99.686	124.087	123.588.061.974	123,98	99,60	112,56
	<i>Trong đó :</i>							
-	<i>Chi quản lý Nhà nước</i>	62.709		81.225	73.200.724.688		90,12	116,73
-	<i>Chi hoạt động của cơ quan Đảng, tổ chức chính trị, xã hội</i>	41.701		37.991	45.170.962.893		118,90	108,32
-	<i>Chi hỗ trợ hội, đoàn thể</i>	5.292		4.135	4.344.374.393		105,05	82,09
-	<i>Chi trang bị phần mềm quản lý</i>	95		969	872.000.000		89,99	917,89

Số TT	Nội dung	Thực hiện năm 2018 (triệu đồng)	Dự toán điều chỉnh tính giao năm 2019 (triệu đồng)	Dự toán điều chỉnh HĐND huyện giao năm 2019 (triệu đồng)	Quyết toán năm 2019 (đồng)	So sánh tỷ lệ %		
						6/4	6/5	6/3
1	2	3	4	5	6	7	8	9
-	KP giảm do thực hiện giảm 2,5% biên chế và 35% hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP			233				
8	Chi an ninh, quốc phòng	22.855	11.205	18.342	23.244.814.985	207,45	126,73	101,71
	Trong đó :							
-	Chi giữ gìn ANTT&ATXH	8.977	2.921	6.512	8.901.184.282		136,69	99,15
-	Chi quốc phòng địa phương	13.878	8.284	11.830	14.343.630.703		121,25	103,36
9	Chi trợ giá các mặt hàng chính sách	128						
10	Chi khác ngân sách	1.708	2.250	2.763	592.634.200	26,36	21,46	34,72
11	Chi đền bù dự án ASXH thuộc Ban QLRPH Bù Đãng			807	722.410.000		89,47	
III	Chi thực hiện cải cách tiền lương		80.829	73.753				
IV	Chi từ nguồn tăng thu cân đối dự toán điều chỉnh so với dự toán đầu năm		2.013	1.149				
V	Chi thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Quyết định số 999 - QĐ/TU (từ nguồn giảm 2,5% biên chế và 35% hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP)		3.737	7.474				

lsh

Số TT	Nội dung	Thực hiện năm 2018 (triệu đồng)	Dự toán điều chỉnh tính giao năm 2019 (triệu đồng)	Dự toán điều chỉnh HĐND huyện giao năm 2019 (triệu đồng)	Quyết toán năm 2019 (đồng)	So sánh tỷ lệ %		
						6/4	6/5	6/3
1	2	3	4	5	6	7	8	9
VI	Chi vốn Chương trình MTQG (gồm nguồn kinh phí Trung ương và địa phương)	25.651	-	23.191	19.452.551.141		83,88	75,84
1	Chi thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới	20.762		18.267	16.523.334.529		90,45	79,58
2	Chi thực hiện Chương trình ĐCĐC	681		771				
3	Chi thực hiện Quyết định số 755/QĐ-TTg (CT 134 cũ)	2.198		900				
4	Chi thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	2.010		3.253	2.820.392.917		86,69	140,30
5	Chi thực hiện Chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số				108.823.695			
VII	Chi chuyển nguồn	904			1.424.647.551			
VIII	Dự phòng		11.902	12.762				
B	Các khoản chi bằng nguồn thu được để lại quản lý qua NSNN	1.768	700	700	2.253.066.496	321,86	321,86	127,43
-	Các khoản chi huy động, đóng góp	469	700	700	2.090.942.496	298,71	298,71	445,84
-	Các khoản chi phí lệ phí chi khác	1.299			162.124.000			12,47

kerh

